

Hồ Đình

Đêm Trung Thu, đốt đèn lồng theo em về, tìm trăng quê cũ



Năm 1279 nhà Nam Tống bị Hốt Tất Liệt tiêu diệt. Cũng từ đó, Hán tộc sống dưới ách nô lệ của ngoại bang ròng rã suốt 80 năm với bao đoạn trường máu lệ. Kinh khiếp nhất là trong thời gian này, giới trí thức Trung Hoa đã bị người Mông khinh miệt qua câu nói đến nay vẫn còn truyền tụng: *‘Thứ 8 là đĩ, thứ 9 nho gia, thứ 10 hành khuất’*, y chang dưới chế độ xã nghĩa Trung Cộng, Mao Trạch Đông lúc còn sống cũng đã từng phỉ nhổ trí thức và bảo *‘Họ còn thua phân xanh ..’*. Do chính sách cai trị tàn bạo và bất công, thiếu nhân tính đó, nên từ năm 1338, giặc giã nổi lên khắp nơi chống lại nhà Nguyên. Vào ngày rằm tháng tám, năm Mậu Thân 1368, tướng của Chu Nguyên Chương là Từ Đạt và Thường Ngộ Xuân theo kế của Quân Sư Lưu Bá Ôn, đem mật lệnh bỏ vào trong nhũn bánh Trung Thu. Và giữa lúc Vua Nguyên Thuận Tông cũng như triều thần và tướng sĩ thi đua đón trăng giỡn nguyệt, vui say chè rượu và gái đẹp, thì cũng là lúc người dân trong thành Yên Kinh, theo mật lệnh ghi trong giấy: *‘Đêm rằm Phật Di Lặc giáng thế, cầm đèn lồng đi rước’*. Nhờ vậy, quân Chu đã trà trộn và bất thần tấn công

chiếm kinh đô. Vua Nguyên vì ham hưởng Tết Trung Thu, cũng giống như Đường Huyền Tông mê đắm Dương Quý Phi và Vũ Khúc Nghê Thường, mà mất nước. Cũng kể từ đó, mỗi lần tới tiết Trung Thu, dù Trăng ở Hồ Hào Hạo Đặc và Ngạc Nhĩ Đa Tư, vùng nội Mông rất to, sáng và có màu xanh như bạch ngọc, nhưng người Mông sống tại đó cũng như nơi khác, tuyệt đối không ăn bánh trung thu và đón trăng, giỡn nguyệt. Thái độ hành xử không quên nổi nhục mất nước khiến cho người ngoại cuộc phải khen thán và cúi đầu kính phục.

Thật ra tập quán đón trăng vào dịp rằm tháng Tám đã có từ thời Trung Hoa huyền sử mà Thục Kinh đã nhắc tới, cho thấy vào ngày trăng tròn tháng Tám buổi đó, dân chúng làm cỗ, cúng bái đất trời, biểu hiện lòng sùng kính và sự đam mê trăng. Tuy nhiên phải đợi tới thời nhà Chu, những ý tưởng trừu tượng trên mới được rõ nét qua hành động, được ghi lại trong Xuân Quan-Chu Lễ như:

- ‘ Trung Thu Dạ Nghinh Hàn

Trung Thu Hiến Lương Cầu

Và cuối cùng là Thu Phân Bái Nguyệt‘.

Ngày nay, hơn một thế kỷ qua, sau chuyến bay đầu tiên của anh em Wright, nhân loại đã nối tiếp theo gót vua Đường dẫn thân vào Cung Hằng tận cõi mù sương quan tái. Cuối cùng mộng đã biến thành thực vào một ngày trăng tháng Tám năm Đinh Dậu 1957, khi vệ tinh Spoutnik đầu tiên, tuy chỉ có kích thước to bằng quả bóng tròn, nhưng đã thành công vượt mức, khi chụp được những hình ảnh thật từ Nguyệt Cung, Sao Chổi và các Thiên Thể trong Thái Dương Hệ, mở đường cho cuộc chinh phục vũ trụ hiện tại.

Bỗng nhớ một mùa trăng nào đó, trở về thăm nhà vào dịp Trung Thu. Đêm

đó, hình như điện đường Phan Thiết và cả đèn đuốc trong nhà đều tắt hết. Không gian chỉ còn lại những chiếc đèn lồng đủ màu sắc, làm dáng được treo trước cửa, càng làm tăng thêm hư ảo của đất trời, như chẳng bao giờ có trong thực tế mà chỉ lơ mờ nghiêng ngả trong mơ hay qua điệu ru nước mắt. Rồi tiếp theo là những mùa trăng trôi nổi của kiếp lính không bao giờ có được một mái ấm tình thương, quen lang thang giữa sương khói trăng thu và cái trầm lắng bất chợt của nỗi biệt ly trùng hăng máu lệ. Xa lắm rồi, sao bỗng lại muốn được trở về, cùng em đốt đèn lồng, đón một mùa trung thu quê cũ, để được như thuở nào :

*‘ Cát chén mời trăng về dạ hội
trăng vào trong chén nhảy lung linh
cầm lên toan uống thì trăng biến
đành, bóng cùng ta, uống một mình ‘*

Than ôi, hồn xưa nào đây gửi vào trong chén, để níu được trăng thu sáng trọn canh dài. Hỡi những bạn bè xa cũ, đêm sáng trăng thu có về, xin hãy gởi lại một chút tình xưa trong chén, dù mùa thu sắp chín nhưng đừng bảo mùa thu không còn, khi ngoài trời trăng thu đã treo sáng vắng vặc và gió đang lên ngoài kia, làm ngất ngây thêm hương vị của chén bồ đào, một thời lính trận .

1- TẾT TRÔNG TRĂNG :

+ NGUỒN GỐC :

Năm 6 sau tây lịch, Vương Mãng cướp ngôi Hán Tuyên Đế mới 2 tuổi, rồi tự xưng làm vua, đổi tên nước là Tân, vơ vét tất cả tài sản của dân chúng thành của riêng mình và tạo cơ hội cho bọn tham quan ô lại, tham nhũng bóc lột, gây cảnh sinh linh đồ thán, làm cho quốc khố trống rỗng và cả nước thêm khổ đói, hờn hận. Lòng người ta thán, nhất tề hưởng ứng cuộc khởi nghĩa của Lưu Tú là hậu duệ của Vua Hán Cảnh Đế để chống lại Vương Mãng và nhà Tân, và rốt cục lật đổ được chế độ bạo tàn, khôi phục lại được nhà Hán vào năm 23 sau Tây Lịch. Theo sử liệu, trong trận Côn Dương thuộc tỉnh Hà Nam, quân Lưu Tú bị giặc vây khốn trong thành nhiều ngày, tình cảnh rất là nguy khốn. Trong lúc lương thảo đã cạn kiệt, ngoài lại không binh cứu viện, khiến cho lòng quân xao động, hoang mang, có thể tan vỡ bất cứ lúc nào. Trước cảnh nguy ngập trùng trùng, đêm đó lại nhằm ngày rằm tháng Tám, trăng sáng vằng vặc như ban ngày, Lưu Tú đặt bàn hương án cầu khẩn Phật Trời giúp đỡ thì bỗngưng binh sĩ trong thành tìm thấy khắp nơi nhiều bưởi và khoai môn. Nhờ đó mà trong thành qua khỏi cơn đói để chờ binh cứu viện.

Năm 25 sau TL, Lưu Tú trùng hưng được xã tắc, dời đô từ Hàm Dương (Cam Túc) về Lạc Dương (Hà Nam), nên nhà Hán từ đó được gọi là Đông Hán. Cũng năm đó, vào rằm tháng Tám, trước cảnh trăng thu soi sáng vằng vặc như bạch ngọc, Lưu Tú tức Vua Hán Quang Vũ làm lễ tạ ơn Trời Phật; vì muốn nhớ lại những vật đã cứu sống mình và quân sĩ trong lúc nguy khốn hoạn nạn, vua đã ban lệnh khắp nước dùng hai món ‘Bưởi’ và ‘Khoai Môn’ làm vật cúng thần và thưởng trăng Thu. Do trên, có thể nói Tết Trung Thu đã manh nha từ đó. Ngoài ra đời Hán còn có tục lệ ‘Dưỡng lão ô kính lão’ vào hai dịp Lập Thu và Trung Thu bằng nghi thức dâng lên bề trên Bánh Bật Gạo Nếp Hấp Hơi. Đến đời Tân, người trong nước đã có tục hưởng trăng

sáng vào đêm Trung Thu nhưng chưa được phổ biến rộng rãi. Ngày nay căn cứ vào sử liệu, thì mãi tới đời Vua Đường Huyền Tông tức Duệ Tông hiêu Văn Minh, phong tục vui Tết Trung Thu, mới chính thức được cả nước công nhận và trở thành một mỹ tục, chẳng những tại Trung Hoa mà còn được phổ biến khắp vùng Đông Nam Á, tại những nước theo tam giáo Nho-Lão-Thích và có Cộng Đồng Người Hoa cư ngụ. Cũng vào đời Đường, đêm Trung Thu đã trở nên lãng mạn và huyền hoặc với những câu chuyện thần thoại rất đáng yêu, thấm đượm nét trữ tình như chuyện Hằng Nga Bôn Nguyệt, Ngọc Thỏ Đào Dược, nhưng được mên chuộng nhiều nhất vẫn là điển tích ‘Dương Quý Phi Biển Nguyệt Thần’ và ‘Đường Minh Hoàng Yêu Thỉnh Nguyệt Cung’. Tiếp theo tới đời Bắc Tống mới chính thức công nhận Tết Trung Thu nhằm đêm Rằm Tháng Tám Âm lịch. Ngoài ra các phẩm vật cúng lễ, trong đó cả bánh hay quả phải tròn, còn hoa dâng lên cúng Trời Phật, phải có cánh lệch như Hoa Sen.. Tất cả không ngoài lòng mong ước cảnh đoàn tụ sẽ do trăng mang tới cho nhân sinh.

+ *TRĂNG VỚI TẾT TRUNG THU :*

Tết Trung Thu khởi nguồn chỉ là Tết Trông Trăng và là biểu tượng được in vẽ trên mặt bánh hay chung quanh các loại đèn lồng.

Xưa nay trong các nền văn hóa của nhân loại, trăng đã là một huyền thoại với vô vàn chuyện kể không bao giờ dứt. Nhưng dù thế nào chăng nữa, ngày nay Trăng đã là một cõi thực giống như địa cầu mà con người đang sinh sống hằng triệu năm qua. Thực tế, trăng ngoài việc sáng soi trần thế, giúp cho đêm trường bớt cô đơn lạnh lẽo, gây hứng khởi để các văn nhân mặc khách, phun ngọc nhả châu, tạo thành những áng văn chương muôn đời bất

diệt.. còn giúp ích rất nhiều cho con người. Theo tạp chí Earth, Moon and Planets số 34 năm 1986, nhà Thiên Văn Học Jean Paul Parisot làm việc tại Đài Thiên Văn Bordeaux (Pháp) cho biết chính tác dụng của Trăng làm tan mây, nhờ vậy gây sự hạ nhiệt độ thấp, giúp việc hòa tan các chất ôxy hóa. Theo ông, không phải trăng làm phai màu quần áo, mà chính quần áo bị phai màu dưới ánh trăng, nhất là vào những buổi trăng đầy. Lúc đó, độ sáng biểu kiến tối đa của ánh trăng chỉ thua ánh nắng mặt trời có 400.000 lần. Trong giới hạn của bầu khí quyển, bức xạ mặt trời là 1370 watt/1m² trong khi đó bức xạ của Trăng không quá 3,5mili-watt/1m². Sự đối lưu thấp gần địa cầu, chính là nơi quang hóa học, gây hiện tượng oxy hoá và peroxide hydrogen H₂O₂.. Tóm lại không phải là vô cơ khi có những dược sĩ đi bán những lọ thuốc chế bằng ‘giọt sương’ làm trắng đẹp gương mặt phụ nữ. Loại thuốc thần diệu kia, chính là các giọt nước lơ lửng trên không. Vào những đêm trăng, chính là lúc xảy ra hiện tượng hòa tan hữu hiệu nhất, tạo thành các giọt sương đọng trên cành lá cỏ cây và quần áo phơi ban đêm.

Trong ngành chiêm tinh học và tín ngưỡng thời xưa, mặt trời và mặt trăng ở gần và tiếp xúc với con người nhiều nhất. Đối với trăng, màu sắc dù là lúc trăng sáng vàng vọt, cũng luôn đượm vẻ thần bí, khi ẩn, lúc hiện không bao giờ báo trước. Hình ảnh trên đã gây nên ấn tượng tự chủ, không bị gò bó ràng buộc, cho nên rất dễ cảm dỗ hồn người, nhất là đối với giới văn nhân nghệ sĩ, quen cách sống độc lập. Trăng là Thần của đêm, của thế giới mộng du và hải hùng, của yêu đương và ly biệt. Bởi vậy các nhà khoa học coi Trăng như nữ giới.

Tuy nhiên trong thời cổ đại, chưa bao giờ thấy có sự đồng thuận về giới tính của Trăng. Đối với người Syria, Trăng được coi như một Nam Thần qua danh hiệu Aglibol, cũng như người Mã gọi Trăng là Nam Thần Xochiquetzal. Riêng với người Cổ Hy Lạp và La Mã thì Trăng trái lại là vị

nữ thần duyên dáng khả ái Selene và Diane. Tóm lại qua bao thế kỷ, Trăng đã có trên 50 danh hiệu khác nhau, lúc nam lúc nữ. Riêng người Trung Hoa thì xưng tụng Trăng là Hằng Nga. Nói chung dù được gọi bằng cách nào chẳng nữa, quan niệm chung của nhân loại vẫn xếp Trăng vào các vị thần, tượng trưng cho hư vô, cô đơn và lạnh lẽo. Theo Hésiode, nhà thơ Hy Lạp thế kỷ XVIII trước Tây lịch, thì nữ thần Trăng có tên là Hécate ngự trị khắp đất trời biển cả, mang hình tượng 3 đầu với phép thuật thần thông quảng đại, chuyên mang điều tốt lành hạnh phúc cho nhân thế.

Trong nhiều huyền thoại, Trăng được các dân tộc ở Tiểu Á Tế Á, đảo Crète, Phi Châu.. coi như vị thần sinh đẻ, kéo dài cho tới thế kỷ thứ IV sau Tây lịch. Qua niềm tin trở thành tín ngưỡng đã trở thành nền móng cho nhiều phong tục tại Ai Cập, Luỡng Hà. Kể từ thế kỷ thứ 3 sau TL, Trăng được nhân cách hóa với bề mặt và sự mang thai sinh đẻ của người phụ nữ. Do ảnh hưởng trên, trai gái thời đó yêu thương, tình tự thường chọn buổi trăng tròn, thời gian mà trên cung hằng thần tiên mở hội bàn đào đãi yến. Từ đó, danh từ ‘Tuần Trăng Mật (lune de mile)’ đã được quốc tế hóa, tới ngày nay vẫn được thông dụng.

Tóm lại, qua những giai đoạn lịch sử thăng trầm Trăng có lúc được tôn sùng tuyệt đỉnh, ngự trị tận chốn mê cung, ẩn ức tất cả mọi liên quan tới đời sống của con người qua mọi lĩnh vực sinh đẻ, di truyền, tài sản, mồ mã.. cho tới thân phận quốc gia dân tộc. Trăng còn ảnh hưởng tới sự cấu tạo của vật chất mà bạc là kim khí biểu tượng. Nhiều huyền thoại về Trăng kéo dài, cho tới thế kỷ XIX mới chấm dứt. Ở nông thôn, nhiều người không dám ra khỏi nhà vào những đêm trăng sáng vắng vật, vì sợ quỷ ám, ma hại, hút máu, gây bệnh tật. Ngay đến Hoa Kỳ có thời gian đã tin là muốn không sinh đẻ thì nam nữ nên yêu nhau vào lúc trăng tàn.

Cuối cùng những điều huyền hoặc về Trăng đã chấm dứt cùng lúc với cái

chết của nhà thiên văn học Galill , khi trái đất được chứng minh hình tròn và lúc con người thật sự bước chân vào cung Hằng. Tuy vậy, dù biển dâu đã trải qua h ng h ng lớp lớp, Tết Trung Thu vẫn tồn tại.. chẳng những bây giờ, mà còn viễn mi n bất diệt.

+ TRUNG THU THEO ĐƯỜNG MINH HO NG DU NGUYỆT ĐIỆN :

Ngày 23-10-2001, con tàu không gian Odyssey của Hoa Kỳ được phóng từ mũi Canaveral sau 6 tháng du hành đã tới được điểm hẹn Hỏa Tinh. Đây là cuộc phi u lưu lớn nhất của nhân loại trong thế kỷ 21, cách xa địa cầu hơn 400 triệu cây số. Thành tựu vĩ đại của khoa học hôm nay đã khiến cho chúng ta phải cúi đầu kh m phục về những tiên đoán của người xưa, cách nay hơn mấy ngàn năm, qua những điển tích điển t nh về Hằng Nga-H u Nghệ và nhất là chuyện kể sự tích Vua Đường Minh Ho ng, trong đêm trăng thu, đã du Nguyệt điện.

Trung Thu theo luật tuần hoàn của trời đất trong một năm được phân định thành bốn thời kỳ xuân phân, hạ chí, thu phân và đông chí. Tháng tám theo truyền thuyết là thời gian đẹp nhất của mùa Thu, vì ngày r m trăng thật to tròn sáng và trong xanh như màu bạch ngọc. Người Trung Hoa xưa, nhân đó c  bày ra Tết trông Trăng, vừa để dự đoán vận nước và theo thời tiết , mà tiên liệu mùa màng của năm tới.. Trong dịp này, các văn nh n tài tử, mặc khách tao nh n đã mượn trăng làm đề tài để thi thố phun châu nh  ngọc.

Theo Đông phương cổ học thì Trăng thuộc về thủy, là một trong những yếu tố quyết định việc nông tang. Bởi vậy đêm Trung Thu ngắm trăng qua sắc điện, để quan sát mà định đoạt sự canh tác làm ăn sắp tới. Theo kinh nghiệm, trăng vàng thì trúng mùa t m t , trăng c  màu canh lục, thì đất nước sẽ bị thiên tai, mất mùa. Còn trăng sáng trong, với màu sa cam, báo hiệu cảnh nước non hạnh phúc.

Trong sách ‘ Di Văn Lục‘ c  ghi chuyện vua Đường Minh Ho ng (713-741)

chính là tác giả của Khúc Nghê Thường Vũ Y. Vào đời Khai Nguyên, trong một đêm Trung Thu trước cảnh trăng rằm sáng treo vằng vặc, vua bỗng mơ ước được lên chốn cung Hằng để thưởng ngoạn. Nhân lúc đó bên cạnh có đạo sĩ La Công Viễn biết phép tiên, bèn dùng một giải lụa trắng biến thành cầu vòng, đưa nhà vua tới tận Nguyệt Điện. Cũng theo Đường Thư, trong đêm Trung Thu, vua nằm mơ thấy mình lên tận Thiên Cung và thưởng thức được ‘Tây Thiên Điệu Khúc’ của đoàn cung nữ chốn Nguyệt Điện. Lại nhân có Tiết Độ Sứ Tây Lương là Trương Kính Thuật dâng thêm khúc hát của Bà La Môn. Vốn là vị vua rất sành điệu cầm, kỳ, âm nhạc, nên nhập chung hai vũ khúc trên làm thành một điệu vũ mới mà đến nay vẫn còn lưu truyền. Đó là Nghê Thường Vũ Điệu, tập cho cung nữ để ngày ngày múa may, giúp vui cho vua và ái thiếp là Dương Quý Phi. Cũng từ đó, nhà vua đam mê tử sắc, bỏ bê việc nước, gây nên loạn An Lạc Sơn trời rung đất chuyển, kéo theo sự suy vi của Đại Đường sau đó.

Liên quan tới Tết Trung Thu, còn có câu chuyện thần thoại về sự tích hai con vật Thiềm Thừ và Ngọc Thỏ trên cung Trăng hay là câu chuyện vợ chồng vua Hậu Nghệ và Hằng Nga với thuốc trường sinh bất lão. Ngoài ra còn có cây đa vạn niên với chú cuội, được các mục đồng ưa thích qua ca dao, tục ngữ :

*‘ thằng Cuội ngồi gốc cây đa,
bỏ trâu ăn lúa, gọi cha ời ời
cha còn ăn lúa trên trời
mẹ còn cỡi ngựa đi mời quan viên.. ’*

+ CHUYỆN TÌNH DƯƠNG QUÝ PHI-ĐƯỜNG MINH HOÀNG :

Năm 589 sau TL, nhà Tùy thống nhất Trung Nguyên, kết thúc cuộc nội chiến trên đất Tàu kéo dài trên 270 năm, khởi từ nhà Đông Tấn. Nhưng tới năm 618 sau TL, Tùy lại mất vào tay nhà Đường. Từ đó, kinh đô Lạc Dương (Hà Nam) được dời về đất Trường An, tỉnh Thiểm Tây, nằm về cực bắc nước Tàu. Nay dù sử sách có nói gì chăng nữa, thì các vị đế vương Tần Thủy Hoàng, Vũ Hạo, Khang Hy, Càn Long.. và nhất là vua Đường Thái Tông (Lý Thế Dân) vẫn được tôn xưng là một Đại Đế, tài giỏi và kiệt kiệt nhất trong dòng lịch sử Trung quốc. Ngài trị nước qua chủ trương ‘Dân Quý, nước mạnh từ dân, còn nhà cầm quyền chỉ là đồ bỏ’. Ngài cũng lưu lại nhân thế một câu danh ngôn được ngàn đời truyền tụng: ‘Vua ví như thuyền, còn dân là nước. Thuyền đi nhờ nước nhưng nước cũng có thể làm cho thuyền chìm’. Nhờ vậy nước Tàu thời đó rất cực thịnh và hùng mạnh. Song song với sự phát triển kinh tế, quân sự .. thời Đường văn chương, thi phú đã đạt tới mức thượng thừa, mà thơ Đường là đỉnh cao trong nền thi ca cổ điển Trung Quốc. Giữa rừng lau lách thi phú, có bốn thi hào liên quan tới vua Đường Huyền Tông-Dương Quý Phi, nhân vật của Tết Trung Thu và Vũ Điệu Nghê Thường mà ai cũng kính phục và mến mộ: Đó là Thi Tiên Lý Bạch (701-762), Thi Thánh Đỗ Phủ (712-770), Giang Châu Tư Mã (Bạch Cư Dị) và Trương Kế bắt tử với bài ‘Phong Kiều Dạ Bạc’ qua tiếng chuông Hàn Sơn Tự tại Cô Tô thành.

DƯƠNG QUÝ PHI là một trong tứ đại mỹ nhân của Trung Quốc được lịch sử ghi nhận, ca tụng sắc đẹp như sau: thân thể phong mãn, sắc da mịn màng diễm lệ’. Ngoài ra còn là một người thông minh, giỏi âm luật, đờn ca xướng hát nên đã khiến cho vua Đường Minh Hoàng vốn là một vị minh quân cuối

cùng cũng phải thân bại danh liệt vì sóng mắt khuynh thành, nghiêng trời lệch nước của người đẹp. Vẫn theo sử liệu, thì Dương Quý Phi ngoài vẻ đẹp trời cho còn biết sử dụng nhiều bí quyết giữ gìn nhan sắc luôn tuyệt thế vô song để vua lúc nào cũng ‘tam thiên sủng ái tại nhất thân’ như Bạch Cư Di đã viết trong bài ca trường hận.

Mới đây sử sách đã hé lộ bí quyết trên: Thì ra nàng rất thích tắm, nhất là tại suối nước nóng ở Hoa Thanh Trì. Vẫn theo Giang Châu Tư Mã thì nàng mê tắm đến nỗi khi cung nữ vực dậy thì thân thể đã mềm yếu đến nỗi không thể đứng dậy được. Thật ra trong suối nước nóng trên có chứa rất nhiều nguyên tố thiên nhiên, rất bổ ích đối với nhan sắc của phụ nữ, nhờ đó mà người đẹp giảm mụn, khiến cho da thịt mịn màng tăng phần quyến rũ. Nhưng qua các tác phẩm hội họa và điêu khắc còn lại cho thấy quan niệm thời Đường coi ‘Mập’ là đẹp, khác với thời Hán, qua Triệu Phi Yến sắc vóc mảnh mai. Do trên không ngạc nhiên khi thấy Dương Quý Phi có sắc vóc phong mãn, tràn đầy nhưng không vượt quá giới hạn của sự thẩm mỹ.

Ngoài việc thường xuyên tắm ở Hoa Thanh Trì và ngâm mình ở ao Hung Khánh cùng với vua Huyền Tông. Dương Quý Phi còn xài ‘Hồng Ngọc Mỹ Dung’, về sau được đổi thành ‘Dương Thái Chân, Hồng Ngọc Cao’, được chế bằng 3 loại dược liệu hạnh nhân bóc vỏ, hoạt thạch và khinh phấn. Tất cả được nghiền nát và chưng cất với một ít xạ hương hòa với lòng trắng trứng. Tương truyền, nhờ thứ mỹ phẩm này mà da mặt của nàng lúc nào cũng tươi như hoa đào và thắm màu hồng ngọc.

Tên thật là Dương Ngọc Hoàn, nguyên là một phi tần của Hoàng tử Lý Mạo. Vì có nhan sắc ‘Nhất Tiểu Khuynh Nhân Thành’ nên Đường Huyền Tông (Lý Long Cơ), đã giựt vợ của con, và phong làm quý phi. Trước đó nhà vua là một minh quân, chăm lo việc nước. Nhưng từ khi thu nạp người đẹp, vua chỉ mê đắm trong chốn hoan lạc chẳng còn lo nghĩ gì tới quốc sự.

Triều đình nhà Đường vì thế ngày càng lụn bại, khắp nơi nhân dân đói khổ làm than, trong triều thì gian thần lũng đoạn, không còn ra thể thống gì, vậy mà nhà vua vẫn u mê không biết gì ngoài tử sắc bên người đẹp. Năm 755, một thổ quan tên An Lộc Sơn dấy loạn, đánh chiếm Đồng Quan Thiểm Tây) làm cho Trảng An nguy ngập, rối loạn., khiến cho triều thần phải di giá vua và hoàng tộc, phải bỏ kinh thành lánh nạn. Khi tới Mã Ngụy Pha thì xảy ra cuộc binh biến. Tướng sĩ trên dưới đòi vua phải giết gian tướng Dương Quốc Trung là anh ruột của quý phi cũng như người đẹp thì mới chịu đồng tâm dẹp loạn An Lạc Sơn

Cuộc binh biến trên là chuyện có thật trong lịch sử Trung Quốc, cũng như đã ghi Dương Quý Phi sau khi bị thất cổ chết được chôn tại Mã Ngụy Pha thuộc huyện Hưng Bình, ngoài thành phố Tây An (Trường An) ngày nay. Phần mộ trên hiện còn, được xây dựng theo kiểu lầu các, trên cửa lăng cao lớn có khắc ghi 7 đại tự của thư pháp gia nổi tiếng Thiệu Lục Tử: 'Đường Dương Thị Quý Phi Chi Mộ'. Từ đó đến nay, đây là chỗ các danh nhân tài tử bao đời lui tới ngâm thơ vịnh nguyệt và hiện giờ là một địa điểm du lịch nổi tiếng của tỉnh Thiểm Tây.

Tuy Đường sử có ghi Huyền Tông đã cho hai lực sĩ thất cổ Dương Quý Phi dưới gốc cây lê trong một ngôi chùa tại Mã Ngụy Pha và sau này sử sách Trung Hoa cũng đều ghi như thế. Nhưng mới đây lại có truyền thuyết, là Dương Quý Phi được cứu thoát, qua kẻ 've sầu thoát xác'. Sở dĩ có chuyện đó là vì sau ngày binh biến một năm, vua Đường cho dời mộ Dương Quý Phi thì không thấy xác. Chính Bạch Cư Dị trong 'Trường Hận Ca' cũng đã viết: *'Mã Ngụy Pha hạ nê thổ trung, bất kiến ngọc nhưng không tứ xứ.. '*

Việc đó tưởng như chìm vào dĩ vãng, thì mới đây vào thập niên 20 có một số học giả, trong đó đáng lưu ý là Du Bình Bác, đã xác quyết là Dương Quý Phi lúc đó không chết trong cuộc binh biến. Chẳng thế mà bà còn tới được

Nhật Bản và lưu lại hậu duệ trên đất Phù Tang. Thêm vào đó là Nam Cung Bắc trong tác phẩm ‘Dương Quý Phi’ cũng viết rằng trong cuộc binh biến tại Mã Ngụy Pha, người cầm binh lúc đó là Đại Tướng Trần Huyền Lễ vì thương hương tiếc ngọc nên không nỡ sát hại người đẹp. Chính ông đã cùng với Cao Lực Sĩ bày mưu cho một thị nữ chết thay. Vì Cao là người đẩy xe chôn xác còn Trần là giám trăm quan, nên còn ai dám tọc mạch, kiểm soát ?. Thế là Dương Quý Phi được thủ hạ thân tín của Trần Nguyên Soái, hộ tống tới một địa điểm, nay là ngoại thành Thượng Hải và dùng thuyền trốn sang lánh nạn tại Nhật Bản. Vẫn truyền thuyết trên, còn có học giả người Nhật là Độ Biên Long Sách cũng viết trong ‘Dương Quý Phi Phục Hoạt Bi Sử’, lại cho rằng, việc Dương Quý Phi trốn thoát khỏi Mã Ngụy Pha không có mắc mớ gì tới Trần Huyền Lễ và Cao Lực Sĩ hay kẻ ve sầu thoát xác nào cả. Tất cả được an bài, do vũ nữ Tạ A Man và vũ sư Mã Tiến Kỳ. Sau khi thoát thân, Dương Quý Phi gặp lại tỷ thiếp họ Từ, của cháu mình là Dương Tuyên con Dương Quốc Trung, nhờ vậy mới quen được một kiếm khách Nhật Bản tên Fujiwra Satsuo. Người này mê say Dương Quý Phi nên đem bà về Nhật Bản và câu chuyện hạ màn. Nhưng mới đây vào năm 1963, Dương Quý Phi bỗng dựng mồ sống lại khi có một thiếu nữ biểu diễn trên truyền hình Nhật tự giới thiệu mình là hậu duệ của quý phi họ Dương. Kể đó, minh tinh màn bạc Nhật nổi tiếng là Yamaguchi Momoe cũng tự nhận như thế. Ngoài ra tại Nhật Bản, hiện nay vẫn còn nhiều di tích liên quan tới Dương Quý Phi, như phần mộ của bà ở tháp Ngũ Luân, thuộc Cửu Tân, Huyện Sơn Khâu. Cũng ở đây, trong Nhị Tôn Viện, có thờ hai pho tượng Phật Thích Ca và Quan Thế Âm, được biết là của Huyền Tông đã tặng cho Dương Quý Phi. Ngoài ra ở ngoại ô Cai Sơn (Nhật Bản) còn có một phần mộ khác cũng nói là của Dương Quý Phi. Tóm lại, qua cuộc bể dâu trăm thống, hương hồn và ngọc

cốt của tuyệt thế giai nhân hiện ở đâu, điều này chắc chỉ có nàng mới hiểu, còn nhân thế biết đâu mà mò.

2- TẾT TRUNG THU ĐÓT ĐÈN LÒNG, THEO EM VỀ TÌM TRĂNG QUÊ CŨ :

Tới nay, lễ hội Tết Trung Thu đã hiện hữu với nhân sinh hơn ngàn tuổi nhưng vì là một mỹ tục nên đã không bị thời gian đào thải, trái lại càng lúc càng được nhiều ưa thích, nhất là giới trẻ. Sự phồn thực của lễ hội trên, làm phát triển nhiều nền công nghiệp liên hệ như làm đèn lồng, sư tử, rồng, các đồ chơi của trẻ con mà quan trọng nhất là các kiểu đèn lồng, đèn kéo quân và loại đèn tạ treo trong nhà, cũng như các loại bánh trung thu, dùng trong việc tế lễ và thưởng trăng.

Tại VN, sau Tết Trung Nguyên là Trung Thu rất được trẻ con ưa thích. Trong dịp lễ này ngoài chơi đèn lồng, ăn bánh và thưởng thức múa lân, múa rồng, bọn chúng còn có nhiều đồ chơi làm bằng thiếc như con bướm cánh xòe, con thỏ gỗ trống leng keng, chiếc xe đạp bằng sắt nặng trĩu nhưng hấp dẫn nhất vẫn là cái tàu thủy có gắn dây thiêu, sau khi đốt đèn cầy bỏ vào hồ nước có thể chạy được một thời ngắn mới ngừng.

Nhưng nói tới Trung Thu là phải nói tới Bánh mà xưa nay tại Hà Nội việc buôn bán vẫn chia phân rành rẽ: Phố Hàng Ngang bán bánh Trung Thu của người Việt làm, trái lại những loại bánh mang nhãn hiệu Đông Phương Viên, Mỹ Kính của người Tàu, được bày bán tại phố Hàng Buồm.

Theo tài liệu ghi trong ‘Đề Kinh Cảnh Vật Lược‘ cho biết người xưa vui Tết Trung Thu, ngoài bánh còn có vịt tần, lợn quay, uống rượu hoa quế ướp lạnh và ăn bưởi. Riêng bánh Trung Thu thời xưa rất cầu kỳ, hình tròn, trên mặt luôn có in các hình Hằng Nga, Ngọc Thố. Ngoài ra bánh phải làm cho cứng để giữ trong một thời gian lâu dài, cũng như thể hiện đầy đủ ý nghĩa bền

vững hạnh phúc như sự bền cứng của chiếc bánh. Qua những thăng trầm lịch sử, theo thời gian, chiếc bánh hiện hữu ngày nay cũng được mang nhiều danh hiệu khác nhau như bánh trắng, bánh Hồ, bánh nhỏ, bánh đoàn viên. Phát xuất từ vùng Triết Giang, ngay từ thời Ân-Chu mà truyền thuyết nói là dân chúng địa phương đã làm để kỷ niệm Thái Sư Văn Trọng, người nắm quyền thời vua Trụ Vương. Thời Tây Hán, nhân sứ thần Trương Thiên đi Tây Vực về có mang theo các loại hạt mè, hồ đào, dưa hấu. Từ đó chính những thứ hạt này được người Trung Hoa dùng làm nguyên liệu chính để làm bánh Trung Thu, nên được gọi là bánh Hồ. Thời vua Huyền Tông nhà Đường, trong một đêm rằm tháng Tám, vua và Dương Quý Phi ăn bánh thưởng trăng, nhân đó nhà vua đã bỏ tên bánh Hồ và gọi là bánh Trung Thu (bánh Nguyệt). Tên này thịnh hành cho tới ngày nay. Đời nhà Tống, tuy việc ăn bánh Trung Thu khá thịnh hành nhưng cũng chỉ phổ biến trong hàng quan lại, thượng lưu giàu sang quý tộc và là đề tài để cho các văn thi gia sáng tác, nhất là vào dịp trăng Thu. Ngày nay bánh chẳng những thịnh hành trong xã hội nước Tàu, mà còn tại các nước Đông Nam Á và những nơi có Hoa kiều cư ngụ.

Hiện có 5 loại bánh Trung Thu. Sự phân loại có thể hoặc căn cứ vào vỏ bánh và nhân hay theo địa phương sản xuất. Ngày nay Trung Cộng có nhiều nơi sản xuất bánh Trung Thu nhưng nổi tiếng nhất, vẫn là bánh Bắc Kinh, Thiên Tân, Tô Châu, Triều Châu và Quảng Đông. Bánh chay có vỏ và nhân làm bằng dầu thực vật, đậu và trái cây rất nổi tiếng tại Bắc Kinh và Thiên Tân. Bánh mặn Quảng Đông dầu ít nên ngọt hơn bánh Triều Châu cũng nhiều vỏ dầu nhiều lớp, kể cả nhân cũng có chất dầu. Riêng bánh Tô Châu thì đặc biệt chú trọng tới mùi vị, từ vỏ tới nhân. Ngoài ra, còn có loại bánh làm tại Vân Nam, Ninh Ba, Thượng Hải, Hạ Môn, Phúc Châu.. tuy chế tạo tại địa phương nhưng hương vị cũng gần giống như 5 loại bánh trên, đặc biệt hơn là

bánh ngũ nhân của Phúc Châu, bánh Trung Thu có vỏ trong của Tây An, bánh nhun mè đen Dương Châu.. Riêng các loại bánh Trung Thu bày bán tại VN hay các nước Đông Nam Á đều làm theo kiểu Quảng Đông hay Triều Châu và có khuynh hướng dùng dầu thực vật hay mỡ bò thay mỡ heo và các loại như trái cây đủ loại cùng kỹ thuật nướng bánh khiến cho mọi người thêm ưa thích.

Đêm Trung Thu trẻ con nhà nghèo không có tiền mua đèn lồng hay đồ chơi thì rủ nhau đi xem múa lân, rồng hay sư tử. Trong cuộc vui này nếu các con vật kia, qua quan niệm là mang sự may mắn tới cho mọi người, thì hình ảnh của Ông Địa, với nụ cười toe toét làm cho lân thêm oai nghi hùng liệt, có tác dụng làm tiêu tan hết những phiền lụy cuộc đời. Cũng chính lý do này mà người đời đã thờ ông Địa để cầu mong được hạnh phúc, may mắn.

Riêng rồng là linh vật được nhiều nước trên thế giới sùng bái, nhất là người cổ Trung Hoa. Đối với dân tộc VN, rồng là vật tổ. Người ta tôn rồng là vật linh thiêng, thần kỳ mà nghiêm trang, là chỗ dựa để người đời cầu khẩn, xin phước, bảo đảm mùa màng. Vì vậy trong đêm Trung Thu, múa rồng được xem như là một nghi thức tôn giáo, một điệu múa dân gian, lưu hành khắp xứ và tồn tại tới ngày nay. Vì mang tính chất truyền thống nên các tiết mục về múa rồng cũng rất phong phú và đa dạng. Riêng tại Trung Quốc, chỉ tỉnh Triết Giang cũng đã có nhiều hội múa rồng. Điều này cũng dễ hiểu vì vùng này chính là cội nguồn của Bách Việt, quê hương của những dân tộc sống nơi ngòi rạch, biển sóng, sông hồ. Do trên vật tổ của họ là thần rồng, cá sấu. Bởi vậy, dù nay con vật chỉ làm bằng giấy hay vải nhưng người múa trong một tâm hồn phóng khoáng đã làm cho con vật trừu tượng trở nên uy vũ, toát lên cái hào khí sung mãn của một giống dân bách chiến, từng làm cho Hán tộc lao đao nể sợ. Tóm lại cho dù loại rồng làm bằng thứ gì, vải hay giấy, thì thân rồng cũng phải đan bằng tre ở suốt phần mình rồng, rồi bọc

giấy hay lụa mỏng, phía trên có gắn vảy lấp lánh. Phía trong có gắn đèn, khi múa thấp sáng. Đặc biệt mình rồng có nhiều bộ phận có thể tháo rời để rút ngắn hay thêm dài, tùy theo vị trí cần thiết khi biểu diễn nhưng không vì thế mà làm cho rồng mất đi cái uy vũ, linh hoạt dưới bóng đèn. Múa rồng dù ở đâu cũng không ngoài 12 thế căn bản như Bàn Long, Ngưỡng Long, Trảo Dương, Thoát Thủ.. và thuyết điệu nhất vẫn là Bách Khiếu Long. Trong thế này, con rồng có chiều dài tới 500m, chẳng khác gì một con giao long nhe nanh múa vuốt, bay lượn trên tầng trời. Cuối cùng rồng thu gọn thành một tầng hoa sen chín cánh, hiền khô như bóng Phật.

Bên cạnh giúp vui còn có Lân, mà nghề múa cũng thật công phu, chẳng những về kỹ thuật mà còn pha trộn công phu võ nghệ và nhất là điệu trống lân của VN, biểu hiện một sự kết hợp toàn hảo giữa truyền thống Trung Hoa, ngón châu VN và tiếng trống Jazz Âu Mỹ.

Trong đêm Trung Thu, khắp nơi mở hội hoa đăng, đèn thấp như sao sa, trên trời là trăng, dưới đất là đèn đủ loại, từ nhỏ như đèn sao, cá, bướm.. cho tới đèn kéo quân, quả tạ, cái nào cũng rực rỡ, xinh đẹp.

Tại VN, xưa nay chỉ có hai thành phố Hội An và Sài Gòn là nổi tiếng khắp nước về thủ công nghệ làm đèn lồng trang trí và các loại đèn giấy dùng trong ngày tết Trung Thu. Hội An là một thành phố cổ kính còn sót lại ở miền Trung, nằm trên cửa sông Thu Bồn, từ lâu đời đã là một hải cảng quốc tế nổi tiếng của Đàng Trong vào thế kỷ 16-17. Ngày nay nhắc tới phố cổ, ôn lại những quá khứ huy hoàng, người ta lại đi quanh quần tìm đếm những chiếc lồng đèn quả tạ treo trước hành lang hay cổng nhà cổ kính của các dòng họ lớn Châu, La, Thái.. là những người Minh Hương gốc Phúc Kiến, Triều Châu, Quảng Đông, Hải Nam .. ngụ lâu đời tại đây. Theo Văn Công Lý, một người làm nghề thợ mã địa phương, cho biết tổ của ngành làm đèn lồng ở Hội An, chính là Xã Đường, cũng là nhà nho, họa sĩ, chuyên vẽ cảnh lá, hoa

hòe và các chữ viết trên mặt đèn. Lại này rất quý, nên thời xưa chỉ được treo tại các dinh thự quan lại hay là các nhà quyền quý mà thôi. Ngày nay đèn lồng, đã trở thành một vật trang trí bình dân khắp mọi nhà trong phố cổ. Tóm lại tại Hội An, việc sản xuất đèn lồng chẳng những là một công nghiệp mà còn là một đặc sản của địa phương không một nơi nào sánh kịp về kiểu dáng, vải bọc toàn là lụa Hà Đông nổi tiếng, làm cho ánh sáng thêm huyền ảo mông lung. Đêm Trung Thu tại phố cổ, vắng vắng khắp nơi là những tiếng khoan hò đối đáp, những hàng đèn lồng lợp lụa, của các em nhỏ, nhấp nhô trong các khu phố heo hút. Đâu đó trước mái hiên, là hình ảnh các cụ già mặc áo chít khăn đóng ngồi uống trà, đánh cờ, ngâm thơ dưới bóng sáng đèn lồng. Trong nhà, qua các lớp ngói âm dương, bóng trăng Thu vằng vặc trên trời cao rọi khắp các sân rêu cỏ kính. Tóm lại đêm Trung Thu ở đây, đèn thay trăng khắp nơi khắp chốn, nên muốn tìm bóng trăng soi thì thật là khó vô cùng.

Tại Sài Gòn từ trước năm 1975 tới nay, Phú Bình thuộc quận 11 của Đô Thành cũng vẫn là một trung tâm sản xuất đèn lồng lớn nhất Miền Nam VN, cung cấp đèn cho toàn vùng. Đây là một làng di cư của người Bắc di cư vào Nam, có gốc gác từ làng Báo Đáp, tỉnh Nam Định, nổi tiếng về nghề nhuộm, dệt vải và làm giấy dếp. Phú Định sau năm 1975 thuộc phường 19, quận Tân Bình và phường 5, quận Gò Vấp, thành phố Sài Gòn, cách khu du lịch Đầm Sen chừng nửa cây số. Tại những năm di cư đầu tiên ở miền Nam. Làng Phú Bình chỉ chuyên làm những loại đèn lồng đơn giản như đèn ống sáo, con cá, ngôi sao, dành cho học sinh và các em thiếu nhi, vui chơi trong đêm Tết Trung Thu mà thôi. Nói chung, thời gian từ 1960-1975, Phú Bình mỗi năm sản xuất hơn nửa triệu đèn lồng trung thu, cung cấp hầu hết các tỉnh thi, thành phố, từ Cà Mau tới Bến Hải. Buổi đó, cứ đến mùa trung thu, khách hàng khắp nơi đổ về Phú Bình, đặt hàng, chờ hàng, khiến cho cả xóm từ

sáng tinh mơ tới lúc nửa đêm, rộn rịp như chợ bán đèn lồng, với các loại xe cộ ra vào không dứt. Công việc phát đạt, khiến cho nhà nào cũng vui vẻ hạnh phúc.

Từ sau năm 1975, Phú Bình vẫn tiếp tục nghề cũ nhưng việc làm ăn dưới xã nghĩa kiếm đủ cơm đã là điều hạnh phúc. Rồi thì sau năm 1990, VC mở cửa đón tư bản vào cứu đảng và cho phép lồng đèn Trung Cộng, Đài Loan, Tân Gia Ba, Đại Hàn, Thái Lan.. ồ ạt xâm nhập thị trường cả nước, chèn ép hàng làm tại Phú Bình, khiến cho cả xóm ế ẩm và thiếu gạo. Sở dĩ có việc trên vì đèn ngoại quốc vừa rẻ lại vừa đẹp và trên hết rất tiện lợi, vì dùng pin nên khi ra gió không bao giờ bị cháy hay tắt.

‘Ai mua trăng, tôi bán trăng cho‘, tiếng thét đứt ruột thảm tuyệt của thi hào Hàn Mặc Tử, trong những buổi trăng tròn, đã làm sống dậy trong tim của người thơ những nỗi buồn tình thiên cổ, cùng với niềm đau cắt thịt của một thân xác quằn quại vì chứng bệnh nan y. Bao chục năm qua sống lưu lạc giữa quê người, cứ mỗi lần trăng sáng, đứng trong mùa Thu chín, giữa bóng trăng soi, mà sao hồn du tử cứ muốn đốt đèn lồng, cùng em về, tìm trăng quê cũ. Hỡi ôi, trăng chỉ có một bóng lẻ loi, còn ta thì hồn chia muôn nẻo, biết mượn trăng nào để ghé bến về ?

Biết bao giờ được thấy lại quê cũ? Được nhìn dòng sông xưa. Nghĩ tới mà hồn ngậm ngùi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO :

- *Diễn Tích Chọn Lọc của Mộng Bình Sơn*
- *Diễn Hay Tích Lạ của Nguyễn Tư Quang*
- *Phong Tục Tập Quán của Toan Ánh*

Mùa Trung Thu 2007

HỒ ĐÌNH

viết từ xóm Cồn

Hạ Uy Di

Sưu tầm: Thanh Vân

Nguồn: Thư viện toàn cầu

Được bạn: Ct.Ly đưa lên

vào ngày: 4 tháng 11 năm 2007